

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 182/2022/DS-ST
Ngày: 20/6/2022
*V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2058/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2511/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1970

Địa chỉ: số 11/5/15 khu phố A, phường Đ, Quận M, Thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền số 1935/2020/UQ-TTT ngày 25/12/2020).

2. Bị đơn: Ông Lê Hiếu N, sinh năm 1980

Địa chỉ: số 1 Bis/11D đường C, phường K, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Lê Ngọc M là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 03/12/2007, ông Lê Hiếu N và Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng TMCP S – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập

của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 435243-7077 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 83.264.689 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 61.950.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Cụ thể: Phí trễ hạn là 17.598.958 đồng; Phí vượt hạn mức là 2.205.151 đồng; các khoản Phí (phí thường niên, phí rút tiền mặt) là 1.625.786 đồng; Lãi là 11.227.877 đồng; còn lại 29.292.228 đồng trừ vào số tiền nợ gốc.

Tuy nhiên từ ngày 10/01/2010 đến nay, ông N không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 23 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ngày 14/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 53.972.461 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tạm tính đến ngày 20/6/2022, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền 262.245.811 đồng (trong đó nợ gốc 53.972.461 đồng, lãi quá hạn 208.273.350 đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Hiếu N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/12/2007 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 262.245.811 đồng (trong đó nợ gốc 53.972.461 đồng, lãi quá hạn 208.273.350 đồng).

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 21/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Lê Hiếu N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Lê Hiếu N có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng TMCP S). Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng cho ông N với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã giao kết là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn ông Lê Hiếu N có địa chỉ thường trú tại số 1 Bis/11D đường C, phường K, Quận M, Thành phố H và đây cũng là địa chỉ được ghi trên hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã giao kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 53.972.461 (năm mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi một) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 03/12/2007, ông Lê Hiếu N và Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng TMCP S – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã cấp cho ông N 01 thẻ tín dụng số thẻ 435243-7077 có hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bản tóm tắt sao kê các giao dịch qua thẻ Visa số 435243-7077 của ông Lê Hiếu N từ ngày 10/12/2007 đến ngày 20/6/2022 thể hiện ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 83.264.689 đồng. Ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 61.950.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ

trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Cụ thể: Phí trễ hạn là 17.598.958 đồng; Phí vượt hạn mức là 2.205.151 đồng; các khoản Phí (phí thường niên, phí rút tiền mặt) là 1.625.786 đồng; Lãi là 11.227.877 đồng; còn lại 29.292.228 đồng trừ vào số tiền nợ gốc.

Từ ngày 10/01/2010 đến nay, ông N không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Ngày 14/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, số tiền nợ gốc ông N còn nợ Ngân hàng là 53.972.461 đồng. Ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 2, Điều 23 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên có cơ sở chấp nhận.

Do đó ông N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/12/2007 là 53.972.461 (năm mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi một) đồng.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 14/4/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là 208.273.350 (hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với lãi quá hạn của thẻ Visa: Theo Thông báo số 293/TB-TTT ngày 04/3/2010 về việc thay đổi lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành thì mức lãi suất được áp dụng đối với thẻ tín dụng S Visa là 1.75%/tháng kể từ ngày 05/3/2010 đến nay.

Theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng thì mức lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi trong hạn, do đó mức lãi suất nợ quá hạn của thẻ Visa là 2,62%/tháng.

Như vậy, số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc ông N phải trả từ ngày 14/4/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 208.273.350 (hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi) đồng.

[4] Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà ông N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

53.972.461 đồng + 208.273.350 đồng = 262.245.811 (hai trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm mười một) đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.112.291 (mười ba triệu, một trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi mốt) đồng tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp là 5.893.883 (năm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi ba) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Hiếu N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 53.972.461 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2022 là 208.273.350 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/12/2007; tổng cộng số tiền gốc và lãi là 262.245.811 (hai trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm mười một) đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Hiếu N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hiếu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.112.291 (mười ba triệu, một trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi mốt) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.893.883 (năm triệu, tám trăm chín

mười ba nghìn, tám trăm tám mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030440 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương